BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37 /QĐ-CĐGTVTTW V

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho học sinh khoá tuyển sinh năm 2018 trình độ Cao đẳng-Đào tạo theo phương thức tích luỹ MĐ hoặc tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V

Căn cứ Quyết định số 1671/2001/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành bản quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Giao thông vận tải II nay là Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V;

Căn cứ Quy định thực hiện Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 79 QĐ-CĐGTVTTW V ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V;

Căn cứ Biên bản họp ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V, về việc xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho học sinh khóa tuyển sinh năm 2018 trình độ Cao đẳng - Đào tạo theo phương thức tích luỹ mô đun hoặc tín chỉ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho 41 sinh viên khóa tuyển sinh năm 2018 trình độ Cao đẳng - Đào tạo theo phương thức tích luỹ mô đun hoặc tín chỉ. Trong đó:

1. Nghề Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)

CĐ18T1: 10 sinh viên (03 Xuất sắc, 04, Giỏi, 03 Khá)

2. Nghề Kế toán doanh nghiệp

CĐ18KD1: 06 sinh viên (01 Giỏi, 04, Khá)

3. Nghề Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng - 25 sinh viên

- CĐ18XD1: 17 sinh viên (01 Giỏi, 16 Khá)
- CĐ18XD2: 08 sinh viên (08 Khá)

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng Cao đẳng theo quy định của Bộ Lao động Thương binh & Xã hội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Phòng đào tạo, phòng Công tác chính trị & quản lý học sinh sinh viên, phòng Tài chính kế toán; trưởng các đơn vị liên quan và học sinh có tên tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- Bộ LĐTB&XH (để báo cáo);
- Bộ GTVT (để báo cáo);
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Lưu: VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V

Nguyễn Thị Phương Dung

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 2018 CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THÁNG 01/2021

(Kèm theo Quyết định số: 57 /QĐ-CĐGTVTTW V ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V)

I. NGÀNH, NGHỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (ỨNG DỤNG PHẦN MỀM) - LỚP CĐ18T1 (10 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số TC		Điểm học tập		XLTN	Ghi ch
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại, học lại	TBC TL		
1	186480202122	Đoàn Lê	Thịnh	18/07/2000	Nam	Đắk Lắk	81	Tốt	72	72		3.77	Xuất sắc	
2	186480202112	Văn Hữu	Nhân	08/12/2000	Nam	Đăk Lắk	80	Tốt	72	72		3.66	Xuất sắc	
3	186480202115	Phạm Ngọc	Trường	11/11/2000	Nam	Quảng Ngãi	84	Tốt	72	72		3.64	Xuất sắc	
4	186480202111	Trần Công	Minh	14/02/2000	Nam	Bình Phước	80	Tốt	72	72		3.54	Giỏi	
5	186480202102	Trịnh Nguyên	Bảo	11/08/2000	Nam	Quảng Nam	78	Khá	72	72		3.47	Giỏi	
6	186480202101	Nguyễn Trần Trọng	Anh	19/02/2000	Nam	Đà Nẵng	80	Tốt	72	72		3.45	Giỏi	
7	186480202110	Trần Quang	Minh	12/10/2000	Nam	Gia Lai	86	Tốt	72	72		3.41	Giỏi	
8	186480202106	Lê Hồng	Hải	28/01/2000	Nam	Kon Tum	76	Khá	72	72	1	3.36	Khá	Hạ bậc
9	186480202118	Nguyễn Hoàng	Ninh	07/11/2000	Nam	Quảng Nam	75	Khá	72	72	1	3.20	Khá	Hạ bậc
10	186480202103	Nguyễn Minh	Cường	06/11/2000	Nam	Quảng Ngãi	83	Tốt	72	72		2.97	Khá	

II. NGÀNH, NGHỀ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP - LỚP CĐ18KD1 (06 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số TC		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại, học lại	TBC TL		
1	186340302103	Nguyễn Thu	Hiền	26/03/2000	Nữ	Nghệ An	79	Khá	78	78		3.31	Giỏi	
2	186340302104	Cao Thị Thùy	Nhung	19/11/1999	Nữ	Đắk Lắk	81	Tốt	78	78	1	3.24	Khá	
3	186340302101	Hoàng Văn	Nam	25/04/2000	Nam	Quảng Trị	84	Tốt	78	78		3.19	Khá	
4	186340302106	Hồ Thị	Hà	12/04/2000	Nữ	Quảng Trị	74	Khá	78	78	7	2.58	Khá	
5	186340302110	Hồ Thị Ngọc	Ánh	18/4/2000	Nữ	Hà Tĩnh	74	Khá	78	78		2.56	Khá	
6	186340302102	Nguyễn Thị Minh	Hạ	13/05/2000	Nữ	Quảng Nam	75	Khá	78	78	1	2.49	Trung bình	

III. NGÀNH, NGHỀ CNKT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG - 25 SINH VIÊN

1. LỚP CD18XD1 (17 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số TC		Điểm học tập		XLTN	Ghi ch
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại, học lại	TBC TL		
1	186510104124	Trần Văn	Trường	20/12/2000	Nam	Quảng Nam	82	Tốt	80	80	4	3.31	Khá	Hạ bậ
2	186510104129	Phạm Văn	Anh	24/2/1999	Nam	Quảng Trị	84	Tốt	80	80	0	3.27	Giỏi	
3	186510104117	Trần Xuân	Triệu	01/01/2000	Nam	Quảng Ngãi	90	Xuất sắc	80	80	0	3.08	Khá	
4	186510104118	Đoàn Nhất	Triệu	23/06/2000	Nam	Bình Định	82	Tốt	80	80	0	3.07	Khá	
5	186510104102	Thân Trọng	Đức	17/03/2000	Nam	Bình Định	87	Tốt	80	80	0	3.03	Khá	
6	186510104115	Phan Đình	Thọ	01/12/2000	Nam	Quảng Ngãi	84	Tốt	80	80	0	3.03	Khá	
7	186510104106	Nguyễn Tâm	Kha	12/02/2000	Nam	Bình Định	82	Tốt	80	80	0	2.93	Khá	
8	186510104112	Huỳnh Tấn	Sỹ	14/09/2000	Nam	Kon Tum	86	Tốt	80	80	0	2.89	Khá	
9	186510104111	Trần Anh	Phước	13/08/2000	Nam	Quảng Trị	82	Tốt	80	80	0	2.87	Khá	
10	186510104114	Nguyễn Văn Quốc	Thịnh	13/11/2000	Nam	Quảng Nam	81	Tốt	80	80	0	2.87	Khá	
11	186510104101	Lê Tuấn	Anh	17/02/2000	Nam	Kon Tum	86	Tốt	80	80	0	2.83	Khá	
12	186510104110	Hoàng Long	Phi	20/09/2000	Nam	Quảng Ngãi	82	Tốt	80	80	0	2.69	Khá	
13	186510104104	Nguyễn Thanh	Duy	05/08/2000	Nam	Quảng Nam	80	Tốt	80	80	13	2.65	Khá	
14	186510104121	Võ Ngọc	Tuấn	01/02/2000	Nam	Quảng Nam	79	Khá	80	80	0	2.65	Khá	
15	186510104108	Đinh Công	Long	10/07/2000	Nam	Quảng Nam	80	Tốt	80	80	0	2.63	Khá	
16	186510104113	Phạm Ngọc	Thạch	19/08/2000	Nam	Quảng Nam	82	Tốt	80	80	0	2.63	Khá	
17	186510104109	ALăng	Nắc	10/02/2000	Nam	Quảng Nam	89	Tốt	80	80	0	2.58	Khá	

2. LỚP CĐ18XD2 (08 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số TC		Điểm học tập		XLTN
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại, học lại	TBC TL	
1	186510104214	Lê Đức	Huỳnh	07/07/2000	Nam	Quảng Trị	80	Tốt	80	80	0	3.12	Khá
2	186510104216	Trần Quang	Nhật	04/02/2000	Nam	Quảng Nam	80	Tốt	80	80	5	3.05	Khá
3	186510104202	Lý Hữu	Hiệp	08/05/2000	Nam	Quảng Nam	85	Tốt	80	80	0	3.00	Khá
4	186510104211	Nguyễn Quốc	Vĩ	08/04/2000	Nam	Bình Định	82	Tốt	80	80	0	2.97	Khá
5	186510104208	Hồ Kim	Nam	17/04/1999	Nam	Quảng Ngãi	80	Tốt	80	80	5	2.95	Khá
6	186510104218	Đỗ Nhật	Trường	1/4/1995	Nam	Quảng Nam	79	Khá	80	80	8	2.75	Khá
7	186510104212	Lê Đức	Ba	16/02/2000	Nam	Bình Định	79	Khá	80	80	5	2.73	Khá
8	186510104204	Nguyễn Thế	Đan	08/03/1997	Nam	Phú Yên	78	Khá	80	80	5	2.69	Khá